

Phụ lục 1

**Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại đại hội,
giải thi đấu thể thao theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP
ngày 07/11/2018 của Chính phủ**

*(Ban hành kèm theo Tờ trình số: 1137/TTr-UBND ngày 6 / 3 /2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên cuộc thi	HCV	HCB	HCD	Phá kỷ lục
A	Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế				
I	Đại hội thể thao				
1	Đại hội Olympic	350	220	140	+140
2	Đại hội Olympic trẻ	80	50	30	+30
3	Đại hội thể thao châu Á	140	85	55	+55
4	Đại hội thể thao Đông Nam Á	45	25	20	+20
II	Giải vô địch thế giới từng môn				
1	Nhóm I	175	110	70	+70
2	Nhóm II	70	40	30	+30
3	Nhóm III	45	25	20	+20
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	70	40	30	+30
2	Nhóm II	45	25	20	+20
3	Nhóm III	30	15	10	+10
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	40	20	15	+15
2	Nhóm II	30	15	10	+10
3	Nhóm III	20	12	8	+8
V	Đại hội Thể thao khác				
1	Đại hội thể thao quy mô Thế giới khác	70	40	30	+30
2	Đại hội thể thao quy mô châu Á khác	30	15	10	+10
B	Đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật				
I	Đại hội thể thao				
1	Paralympic	220	140	85	+ 85

2	Paralympic trẻ	45	30	20	+ 20
3	Đại hội thể thao người khuyết tật châu Á (ASIAN PARA Games)	80	50	30	+30
4	Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á	25	15	10	+10
II	Giải vô địch thể giới từng môn				
1	Nhóm I	85	55	35	+35
2	Nhóm II	25	15	10	+10
III	Giải vô địch châu Á từng môn				
1	Nhóm I	35	20	15	+15
2	Nhóm II	15	10	8	+8
IV	Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao				
1	Nhóm I	20	12	8	+8
2	Nhóm II	12	8	5	+5

*** Ghi chú:** Theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ thì ngoài quy định mức thưởng cho các vận động viên đạt thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao trên, Nghị định còn quy định cụ thể thực hiện việc thưởng đối với các vận động viên đạt giải cúp, giải trẻ,... và mức thưởng cho huấn luyện viên, cụ thể:

- Vận động viên lập thành tích tại các giải cúp thể giới, cúp châu Á và cúp Đông Nam Á; giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới; các đại hội, giải thi đấu thể thao vô địch trẻ châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng dành cho đại hội, giải vô địch của môn thể thao tương ứng tại Phụ lục.

- Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao vô địch trẻ thể giới, châu Á, Đông Nam Á có quy định lứa tuổi được hưởng mức thưởng tối đa bằng 50% mức thưởng quy định tại Phụ lục, cụ thể như sau:

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên đến dưới 12 tuổi: mức thưởng bằng 20% mức thưởng tương ứng;

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 12 tuổi đến dưới 16 tuổi: mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng;

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi: mức thưởng bằng 40% mức thưởng tương ứng;

+ Giải thi đấu thể thao dành cho vận động viên từ 18 tuổi đến dưới 21 tuổi: mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng.

- Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng.

- Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho học sinh, sinh viên thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 30% mức thưởng tương ứng.

- Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế được hưởng mức thưởng như sau:

+ Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao quốc tế có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên;

+ Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao quốc tế có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 05 huấn luyện viên;

+ Tỷ lệ phân chia tiền thưởng đối với các huấn luyện viên được thực hiện theo nguyên tắc: Huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên ở cơ sở trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

- Đối với các môn, nội dung thi đấu mà thành tích thi đấu được sử dụng để xác định huy chương của các nội dung cá nhân và đồng đội được tính trong cùng một lần thi, thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng.

- Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế dành cho người khuyết tật được hưởng mức thưởng bằng tiền theo phụ lục II. Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các đại hội thể thao vô địch trẻ người khuyết tật châu Á, Đông Nam Á, giải vô địch trẻ người khuyết tật thế giới, châu Á, Đông Nam Á được hưởng mức thưởng bằng 50% mức thưởng tương ứng./.